

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYỀN**  
**ĐỢT 2 NĂM 2016**

**1. Điểm trúng tuyển**

Căn cứ quy chế tuyển sinh hiện hành, Hội đồng tuyển sinh họp ngày 23/12/2016 quyết định điểm trúng tuyển các ngành như sau:

| TT | Ngành               | Hệ đào tạo         | Hình thức đào tạo | Điểm trúng tuyển | Ghi chú              |
|----|---------------------|--------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| 1  | Hóa học             | Đại học liên thông | Chính quy         | 15               | CD liên thông lên ĐH |
| 2  | Kế toán             | Đại học liên thông | Chính quy         | 15               | CD liên thông lên ĐH |
| 3  | Quản trị Kinh doanh | Đại học liên thông | Chính quy         | 15               | CD liên thông lên ĐH |
| 4  | Hệ thống Thông tin  | Đại học liên thông | Chính quy         | 15               | CD liên thông lên ĐH |
| 5  | Luật                | Đại học            | Vừa làm vừa học   | 13               |                      |

- Điểm trúng tuyển trên áp dụng cho thí sinh không thuộc nhóm ưu tiên và thuộc khu vực 3.

- Trường nhận đơn xin phúc khảo của thí sinh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố điểm thi. (Lệ phí phúc khảo: 100.000đ/môn, mẫu đơn phúc khảo nhận trực tiếp tại Trường)

**2. Thời gian nhận giấy báo nhập học:** Từ ngày 29-31/12/2016, nhận trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và Thị trường lao động, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**3. Thời gian nhập học:** Ngày 14-15/01/2017 (thứ 7 và Chủ nhật)

**4. Thông tin liên hệ:**

Trung tâm Tuyển sinh và Thị trường Lao động-Trường Đại học Thủ Dầu Một

**Địa chỉ:** Số 6 Trần Văn Ôn, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương.

**Website:** <http://tdmu.edu.vn> **Email:** [tuyensinhthuongxuyen@tdmu.edu.vn](mailto:tuyensinhthuongxuyen@tdmu.edu.vn)

**Điện thoại:** (0650) 3835.677, (0650) 3844.340

Bình Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2016

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



**PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp**



**KẾT QUẢ**  
**KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ THƯỜNG XUYỀN ĐỢT 2 NĂM 2016**

**1. Thời gian nhận giấy báo nhập học:** Từ ngày 29-31/12/2016, nhận trực tiếp tại Trung tâm tuyển sinh và Thị trường lao động, Trường Đại học Thủ Dầu Một.

**2. Thời gian nhập học:** Ngày 14-15/01/2017 (thứ 7 và Chủ nhật)

**Ghi chú:** Thí sinh trúng tuyển = "TT"

| Stt | SBD    | Họ tên                | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | ĐT | KV  | Ngành   | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng (đã làm tròn, chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|-----------|-----------------|----|-----|---------|----------------------|-------------------|----------------------------------|---------|
| 1   | HO.001 | Nguyễn Thị Vân Anh    | 16/02/1989 | Nữ        | Gia Lai         |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.25                            | TT      |
| 2   | HO.002 | Nguyễn Hữu Đức        | 19/08/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25                               | TT      |
| 3   | HO.003 | Lê Thị Phương Dung    | 24/08/1992 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20.75                            | TT      |
| 4   | HO.004 | Hồ Thị Thanh Dung     | 10/03/1978 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.5                             |         |
| 5   | HO.005 | Nguyễn Thị Ngọc Dung  | 20/09/1990 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                |         |
| 6   | HO.006 | Lương Thị Thùy Dương  | 01/02/1993 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.25                            | TT      |
| 7   | HO.007 | Nguyễn Thị Hồng Gấm   | 30/12/1988 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13                               |         |
| 8   | HO.008 | Lê Thị Thanh Hà       | 18/10/1978 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 9.25                             |         |
| 9   | HO.009 | Nguyễn Thị Hằng       | 18/03/1993 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                               | TT      |
| 10  | HO.010 | Thượng Nguyệt Hằng    | 1991       | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.25                            | TT      |
| 11  | HO.011 | Trần Đình Hiếu        | 09/09/1992 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 11.5                             |         |
| 12  | HO.012 | Vũ Thị Hồng           | 01/07/1994 | Nữ        | Thanh Hóa       |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12                               |         |
| 13  | HO.013 | Nguyễn Thành Khiêm    | 07/03/1992 | Nam       | Đồng Nai        |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.5                             |         |
| 14  | HO.014 | Nguyễn Thị Thanh Kiều | 11/08/1993 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.75                            | TT      |
| 15  | HO.015 | Nguyễn Thị Mai Liên   | 12/02/1994 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.5                             | TT      |
| 16  | HO.016 | Bùi Thị Thùy Linh     | 17/04/1993 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.25                            | TT      |
| 17  | HO.017 | Nguyễn Thị Hương Loan | 16/01/1994 | Nữ        | Sông Bé         |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12.25                            |         |
| 18  | HO.018 | Vương Diễm Mi         | 25/03/1994 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.25                            | TT      |
| 19  | HO.019 | Nguyễn Thị Mười       | 1980       | Nữ        | Bến Tre         |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                |         |
| 20  | HO.020 | Phan Hồng Nghĩa       | 14/01/1980 | Nam       | Sông Bé         |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 11.75                            |         |
| 21  | HO.021 | Bùi Thị Kim Nhớ       | 27/04/1992 | Nữ        | Sông Bé         |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                             | TT      |
| 22  | HO.022 | Phạm Thị Ánh Nhung    | 10/02/1994 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.5                             | TT      |
| 23  | HO.023 | Trần Thị Nhung        | 12/12/1992 | Nữ        | Hà Tây          |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                            | TT      |
| 24  | HO.024 | Nguyễn Hồng Nhung     | 17/01/1978 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 7.25                             |         |



| Stt | SBD    | Họ tên            |        | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh   | ĐT | KV  | Ngành   | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|--------|------------|-----------|------------|----|-----|---------|----------------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 25  | HO.025 | Lợi Thiện         | Phúc   | 27/04/1992 | Nam       | Sông Bé    |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.25                                  | TT      |
| 26  | HO.026 | Nguyễn Thị Lan    | Phương | 22/05/1993 | Nữ        | Đắk Lắk    |    | 1   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12                                     |         |
| 27  | HO.027 | Nguyễn Thị Kim    | Phượng | 22/01/1992 | Nữ        | Ninh Thuận |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.25                                  | TT      |
| 28  | HO.028 | Thái Thị Hoa      | Sao    | 19/02/1993 | Nữ        | Quảng Bình |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 29  | HO.029 | Nguyễn Thanh      | Tâm    | 27/06/1993 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17                                     | TT      |
| 30  | HO.030 | Võ Ngọc Thao      | Thao   | 30/05/1993 | Nữ        | Bình Dương |    | 3   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.75                                  | TT      |
| 31  | HO.031 | Nguyễn Thị Hồng   | Thảo   | 21/06/1981 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.25                                  | TT      |
| 32  | HO.032 | Nguyễn Thị Phương | Thùy   | 28/01/1992 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 33  | HO.033 | Nguyễn Thị Hồng   | Thủy   | 22/05/1993 | Nữ        | Sông Bé    |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.75                                  | TT      |
| 34  | HO.034 | Bùi Thị Diễm      | Trình  | 1992       | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22                                     | TT      |
| 35  | HO.035 | Lê Văn            | Trung  | 08/01/1979 | Nam       | Nam Định   |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.25                                  | TT      |
| 36  | HO.036 | Nguyễn Thị Cẩm    | Tú     | 30/10/1994 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12.5                                   |         |
| 37  | HO.037 | Nguyễn Minh       | Tuấn   | 16/04/1992 | Nam       | Đồng Nai   |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 38  | HO.038 | Phạm Thanh        | Tùng   | 08/10/1993 | Nam       | Sông Bé    |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 39  | HO.039 | Nguyễn Thị Bích   | Tuyền  | 14/09/1988 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.75                                  | TT      |
| 40  | HO.040 | Đoàn Thị          | Vân    | 03/09/1994 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23                                     | TT      |
| 41  | HO.041 | Nguyễn Tuấn       | Vũ     | 22/10/1991 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 6                                      |         |
| 42  | HO.042 | Bùi Minh          | Vương  | 21/10/1993 | Nam       | Sông Bé    |    | 2NT | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.25                                  | TT      |
| 43  | HO.043 | Lê Thị Hải        | Yến    | 02/04/1993 | Nữ        | Vĩnh Phúc  |    | 2   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 44  | HO.044 | Cao Thị           | Muôn   | 05/03/1993 | Nữ        | Lâm Đồng   |    | 1   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.25                                  | TT      |
| 45  | HO.045 | Quảng Nữ Phi      | Thuyền | 29/10/1991 | Nữ        | Ninh Thuận |    | 1   | Hóa học | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 11.75                                  |         |
| 46  | KT.001 | Trần Thị Thúy     | An     | 20/06/1993 | Nữ        | Hà Tĩnh    |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 47  | KT.002 | Lê Mai Tuyết      | Anh    | 25/05/1994 | Nữ        | Sông Bé    |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24                                     | TT      |
| 48  | KT.003 | Lưu Tuấn          | Anh    | 15/07/1993 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 6.75                                   |         |
| 49  | KT.004 | Trương Minh       | Cường  | 23/08/1995 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                                     | TT      |
| 50  | KT.005 | Bồ Thị Ngọc       | Diễm   | 13/08/1995 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.5                                   | TT      |
| 51  | KT.006 | Trần Quốc         | Diễn   | 17/08/1993 | Nam       | Bình Dương |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 52  | KT.007 | Nhâm Thành        | Đô     | 17/04/1989 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                                  | TT      |
| 53  | KT.008 | Đồng Trương       | Dương  | 08/07/1989 | Nam       | Bình Định  |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.75                                  | TT      |
| 54  | KT.009 | Đào Hải           | Hà     | 24/10/1995 | Nữ        | Sông Bé    | 06 | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                                  | TT      |
| 55  | KT.010 | Phạm Thị          | Hằng   | 05/01/1993 | Nữ        | Quảng Ngãi |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.75                                  | TT      |
| 56  | KT.011 | Trịnh Xuân        | Hào    | 17/05/1993 | Nam       | Thanh Hóa  |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.75                                  | TT      |
| 57  | KT.012 | Trần Thanh Diệu   | Hiền   | 27/11/1989 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.25                                  | TT      |



| Stt | SBD    | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh       | ĐT | KV  | Ngành   | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|--------|------------|-----------|----------------|----|-----|---------|----------------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 58  | KT.013 | Huỳnh Thị Dịu    | Hiền   | 30/05/1994 | Nữ        | Bình Định      |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.5                                   | TT      |
| 59  | KT.014 | Lê Trọng         | Hiếu   | 18/07/1992 | Nam       | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.5                                   | TT      |
| 60  | KT.015 | Võ Thị Vương     | Hồng   | 33765      | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                                  | TT      |
| 61  | KT.016 | Mai Văn          | Hợp    | 01/01/1992 | Nam       | Thừa-Thiên Huế |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 62  | KT.017 | Nguyễn Thị Linh  | Huệ    | 29/06/1989 | Nữ        | Bình Phước     |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.75                                  | TT      |
| 63  | KT.018 | Dương Đình       | Hùng   | 15/07/1985 | Nam       | Quảng Trị      |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23                                     | TT      |
| 64  | KT.019 | Nguyễn Vi        | Hung   | 27/01/1991 | Nam       | Bình Dương     |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                                     | TT      |
| 65  | KT.020 | Nguyễn Võ Thanh  | Hương  | 28/07/1994 | Nữ        | Bình Phước     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                                  | TT      |
| 66  | KT.021 | Đinh Thị         | Hường  | 10/10/1994 | Nữ        | Quảng Bình     |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 67  | KT.022 | Võ Trương Hoàng  | Long   | 12/05/1993 | Nam       | Sông Bé        |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16                                     | TT      |
| 68  | KT.023 | Vũ Đình          | Luân   | 06/02/1988 | Nam       | Thanh Hóa      |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.5                                   | TT      |
| 69  | KT.024 | Nguyễn Thị Hoàng | Ly     | 19/04/1992 | Nữ        | Bình Định      |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.25                                  | TT      |
| 70  | KT.025 | Huỳnh Thị Tuyết  | Minh   | 02/12/1991 | Nữ        | Lâm Đồng       |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25.75                                  | TT      |
| 71  | KT.026 | Lê Đình          | Minh   | 25/07/1992 | Nam       | Bình Dương     |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.75                                  | TT      |
| 72  | KT.027 | Đỗ Nguyễn Tuyết  | Ngân   | 13/12/1991 | Nữ        | Ninh Thuận     |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 26.75                                  | TT      |
| 73  | KT.028 | Bùi Thị Kim      | Ngân   | 01/06/1992 | Nữ        | Đắk Lắk        |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.75                                  | TT      |
| 74  | KT.029 | Trần Thị Duyên   | Ngọc   | 06/01/1994 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.5                                   | TT      |
| 75  | KT.030 | Nguyễn Võ Hồng   | Ngọc   | 17/02/1992 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.5                                   | TT      |
| 76  | KT.031 | Lê Thị Kim       | Ngọc   | 24/08/1995 | Nữ        | Bình Dương     |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 77  | KT.032 | Bùi Thị Yến      | Nhi    | 05/10/1991 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 78  | KT.033 | Nguyễn Thị Quỳnh | Như    | 21/06/1989 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.25                                  |         |
| 79  | KT.034 | Nguyễn Thị Trúc  | Phương | 10/10/1993 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                                  | TT      |
| 80  | KT.035 | Lương Thị Hoàng  | Quyên  | 28/06/1993 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.5                                   | TT      |
| 81  | KT.036 | Lê Tấn           | Tài    | 26/06/1989 | Nam       | Đắk Lắk        |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.5                                   |         |
| 82  | KT.037 | Nguyễn Hữu       | Tài    | 22/06/1990 | Nam       | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 10.5                                   |         |
| 83  | KT.038 | Đỗ Thị Hồng      | Thắm   | 26/01/1988 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.25                                  | TT      |
| 84  | KT.039 | Nguyễn Xuân      | Thạnh  | 09/08/1993 | Nam       | Bình Dương     |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                                  | TT      |
| 85  | KT.040 | Hoàng Thị Thu    | Thảo   | 20/06/1991 | Nữ        | Đắk Nông       |    | 1   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25.25                                  | TT      |
| 86  | KT.041 | Trần Thị Mỹ      | Thạo   | 21/03/1990 | Nữ        | Thừa-Thiên Huế |    | 3   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 27.75                                  | TT      |
| 87  | KT.042 | Nguyễn Thị Anh   | Thư    | 01/06/1992 | Nữ        | Bình Định      |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 88  | KT.043 | Lê Hồng          | Thu    | 04/10/1986 | Nữ        | Bình Dương     |    | 2NT | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 89  | KT.044 | Trương Thị Thu   | Thuần  | 10/05/1992 | Nữ        | Quảng Nam      |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25                                     | TT      |
| 90  | KT.045 | Nguyễn Thị Thanh | Thường | 20/05/1985 | Nữ        | Bình Định      |    | 2   | Kế toán | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.25                                  | TT      |



| Stt | SBD    | Họ tên           |       | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | ĐT | KV  | Ngành               | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|--------|------------------|-------|------------|-----------|-----------------|----|-----|---------------------|----------------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 91  | KT.046 | Huỳnh Thị Yến    | Thùy  | 07/08/1995 | Nữ        | Sông Bé         |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.75                                  | TT      |
| 92  | KT.047 | Vũ Thị           | Thùy  | 07/03/1990 | Nữ        | Thái Bình       |    | 1   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.75                                  | TT      |
| 93  | KT.048 | Nguyễn Ngân      | Trâm  | 11/12/1995 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.5                                   |         |
| 94  | KT.049 | Nguyễn Thị Hoàng | Trang | 01/07/1988 | Nữ        | Thừa-Thiên Huế  |    | 3   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.5                                   | TT      |
| 95  | KT.050 | Lê Thu           | Trang | 03/12/1990 | Nữ        | Thanh Hóa       |    | 3   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25.25                                  | TT      |
| 96  | KT.051 | Nguyễn Minh      | Trí   | 02/09/1991 | Nam       | Sông Bé         |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.25                                  | TT      |
| 97  | KT.052 | Đặng Thị Kiều    | Trinh | 25/10/1992 | Nữ        | Bà Rịa Vũng Tàu |    | 1   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.25                                  | TT      |
| 98  | KT.053 | Lê Hồng          | Trúc  | 27/09/1992 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 99  | KT.054 | Trần Thanh Anh   | Tuấn  | 16/07/1989 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.25                                  | TT      |
| 100 | KT.055 | Phạm Thị Hồng    | Tươi  | 14/05/1993 | Nữ        | Sông Bé         |    | 2NT | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.25                                  | TT      |
| 101 | KT.056 | Lương Thị Thu    | Uyên  | 12/05/1994 | Nữ        | Bắc Giang       |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.25                                  | TT      |
| 102 | KT.057 | Nguyễn Thị Hải   | Yến   | 04/05/1993 | Nữ        | Quảng Bình      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20.25                                  | TT      |
| 103 | KT.058 | Lý Trung         | Nghĩa | 14/09/1995 | Nam       | Sông Bé         |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                                  | TT      |
| 104 | KT.059 | Huỳnh Thị Tuyết  | Hạnh  | 01/09/1992 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                                     | TT      |
| 105 | KT.060 | Nguyễn Ngọc      | Loan  | 15/11/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Kế toán             | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 9.75                                   |         |
| 106 | QT.001 | Nguyễn Quốc      | An    | 17/04/1993 | Nam       | Sông Bé         |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 107 | QT.002 | Nguyễn Hoàng     | Anh   | 24/10/1992 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.5                                   | TT      |
| 108 | QT.003 | Lê Như           | Chiến | 05/06/1992 | Nam       | Thanh Hóa       |    | 2NT | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 109 | QT.004 | Nguyễn Bá        | Chu   | 07/01/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18                                     | TT      |
| 110 | QT.005 | Trần Quốc        | Diễn  | 17/08/1993 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.75                                  |         |
| 111 | QT.006 | Bùi Công Minh    | Đức   | 05/04/1993 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 112 | QT.007 | Đinh Thị         | Hạnh  | 04/04/1990 | Nữ        | Quảng Nam       |    | 2NT | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.25                                  | TT      |
| 113 | QT.008 | Nguyễn Thị Thanh | Hậu   | 33576      | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.75                                  | TT      |
| 114 | QT.009 | Vũ Đức           | Hiếu  | 10/10/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.25                                  | TT      |
| 115 | QT.010 | Nguyễn Trúc      | Hương | 31/05/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 116 | QT.011 | Lê Ngọc          | Huyền | 11/03/1993 | Nữ        | Đồng Nai        |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.25                                  |         |
| 117 | QT.012 | Châu Thanh       | Kim   | 12/08/1993 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 118 | QT.013 | Trần Thùy        | Linh  | 17/06/1992 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.5                                   | TT      |
| 119 | QT.014 | Trương Thị Thúy  | Linh  | 23/10/1993 | Nữ        | Quảng Trị       |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.25                                  | TT      |
| 120 | QT.015 | Nguyễn Ngọc      | Loan  | 15/11/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 121 | QT.016 | Nguyễn Quang     | Lộc   | 20/04/1991 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 11                                     |         |
| 122 | QT.017 | Đặng Phi         | Long  | 04/08/1988 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 123 | QT.018 | Lý Kim           | Ngân  | 11/10/1993 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |



| Stt | SBD    | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh    | ĐT | KV  | Ngành               | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|--------|------------|-----------|-------------|----|-----|---------------------|----------------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 124 | QT.019 | Nguyễn Văn Hoàng   | Ngân   | 21/05/1993 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.75                                  | TT      |
| 125 | QT.020 | Vũ Minh            | Quang  | 30/08/1992 | Nam       | Bình Dương  |    | 2NT | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 11                                     |         |
| 126 | QT.021 | Nguyễn Thanh       | Tâm    | 20/12/1993 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.75                                  | TT      |
| 127 | QT.022 | Võ Thị Thanh       | Tâm    | 21/09/1987 | Nữ        | Bình Phước  |    | 1   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                      |         |
| 128 | QT.023 | Lê Thị             | Thu    | 10/07/1992 | Nữ        | Bình Định   |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.25                                  | TT      |
| 129 | QT.024 | Bùi Thị Thụy       | Tiên   | 12/06/1991 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.5                                   | TT      |
| 130 | QT.025 | Trần Trung         | Tiến   | 12/07/1993 | Nam       | Bình Dương  |    | 3   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 131 | QT.026 | Nguyễn Mạnh        | Tiến   | 12/10/1994 | Nam       | Bình Dương  |    | 3   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20.25                                  | TT      |
| 132 | QT.027 | Nguyễn Thị Quế     | Trâm   | 27/02/1994 | Nữ        | Bình Dương  |    | 3   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16.5                                   | TT      |
| 133 | QT.028 | Nguyễn Thị Thùy    | Trang  | 20/12/1991 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2NT | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.75                                  | TT      |
| 134 | QT.029 | Trần Thị Thiên     | Trang  | 01/09/1993 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.25                                  | TT      |
| 135 | QT.030 | Nguyễn Đình        | Trung  | 29/09/1990 | Nam       | Tây Ninh    |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16                                     | TT      |
| 136 | QT.031 | Đình Hoàng         | Tuấn   | 03/08/1991 | Nam       | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.25                                  | TT      |
| 137 | QT.032 | Nguyễn Anh         | Tuấn   | 29/04/1992 | Nam       | Đắk Lắk     |    | 1   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16                                     | TT      |
| 138 | QT.033 | Nguyễn Thanh       | Tùng   | 12/8/1993  | Nam       | Sông Bé     |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14                                     |         |
| 139 | QT.034 | Nguyễn Ngọc Thúy   | Vy     | 25/09/1994 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.25                                  |         |
| 140 | QT.035 | Nguyễn Hoàng Duy   | Khang  | 31/12/1993 | Nam       | Bình Dương  |    | 2   | Quản trị Kinh doanh | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17                                     | TT      |
| 141 | HT.001 | Nguyễn Châu        | Anh    | 11/03/1984 | Nam       | Bình Dương  |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.5                                   | TT      |
| 142 | HT.002 | Lương Đức          | Anh    | 26/06/1994 | Nam       | Hải Dương   |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                                   | TT      |
| 143 | HT.003 | Hoàng Đức          | Dũ     | 10/04/1991 | Nam       | Bình Dương  |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20.25                                  | TT      |
| 144 | HT.004 | Trần Mạnh          | Hà     | 04/09/1985 | Nam       | Thái Nguyên |    | 1   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.25                                  | TT      |
| 145 | HT.005 | Trần Thị           | Hạnh   | 20/07/1991 | Nữ        | Đắk Lắk     |    | 1   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.5                                   | TT      |
| 146 | HT.006 | Lê Thị             | Hiền   | 11/08/1994 | Nữ        | Thanh Hóa   |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18                                     | TT      |
| 147 | HT.007 | Nguyễn Thị Thu     | Hiền   | 28/11/1994 | Nữ        | Nghệ An     |    | 1   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20.75                                  | TT      |
| 148 | HT.008 | Nguyễn Thị Thanh   | Hoài   | 06/06/1987 | Nữ        | Hà Tĩnh     |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.5                                   | TT      |
| 149 | HT.009 | Đặng Tổ            | Hùng   | 05/11/1992 | Nam       | Nghệ An     |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18                                     | TT      |
| 150 | HT.010 | Nguyễn Trung       | Hưng   | 30/03/1994 | Nam       | An Giang    |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 23.5                                   | TT      |
| 151 | HT.011 | Hồ Hoàng           | Huy    | 12/11/1994 | Nam       | Sông Bé     |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 13.5                                   |         |
| 152 | HT.012 | Trịnh Hoàng        | Khang  | 17/11/1993 | Nam       | Sông Bé     |    | 1   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                                  | TT      |
| 153 | HT.013 | Lê Nguyễn Ngọc     | Mai    | 13/12/1994 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.25                                  |         |
| 154 | HT.014 | Tô Thị Kim         | Ngân   | 10/06/1993 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12.25                                  |         |
| 155 | HT.015 | Thái Thị           | Ngọc   | 20/07/1993 | Nữ        | Bình Dương  |    | 2   | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12.5                                   |         |
| 156 | HT.016 | Nguyễn Huỳnh Thanh | Nguyên | 10/01/1988 | Nam       | Tiền Giang  |    | 2NT | Hệ thống Thông tin  | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 21.25                                  | TT      |



| Stt | SBD      | Họ tên           |        | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | ĐT | KV  | Ngành              | Hệ đào tạo           | Hình thức đào tạo | Tổng (đã làm tròn, chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|----------|------------------|--------|------------|-----------|-----------------|----|-----|--------------------|----------------------|-------------------|----------------------------------|---------|
| 157 | HT.017   | Nguyễn Thị Hằng  | Nhung  | 08/04/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12                               |         |
| 158 | HT.018   | Trần Thanh       | Nhật   | 28/09/1994 | Nam       | Bình Định       |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20                               | TT      |
| 159 | HT.019   | Trần Ngọc        | Ninh   | 28/11/1992 | Nam       | Bình Định       |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.5                             | TT      |
| 160 | HT.020   | Thương Thanh     | Phong  | 15/02/1990 | Nam       | Bình Phước      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14                               |         |
| 161 | HT.021   | Nguyễn Văn       | Phúc   | 13/12/1994 | Nam       | Sông Bé         |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 15.5                             | TT      |
| 162 | HT.022   | Lê Thị Thanh     | Phuong | 04/10/1991 | Nữ        | Sông Bé         |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24.25                            | TT      |
| 163 | HT.023   | Nguyễn Hữu       | Quốc   | 18/08/1992 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 17.5                             | TT      |
| 164 | HT.024   | Nguyễn Thanh     | Son    | 12/02/1993 | Nam       | Sông Bé         |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                               | TT      |
| 165 | HT.025   | Phú Hữu          | Tài    | 11/03/1988 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | V                                |         |
| 166 | HT.026   | Phạm Đức         | Tài    | 11/03/1990 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 26.25                            | TT      |
| 167 | HT.027   | Lê Thị Hồng      | Thắm   | 20/10/1994 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                            | TT      |
| 168 | HT.028   | Mai Hưng         | Thịnh  | 07/05/1992 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 12.5                             |         |
| 169 | HT.029   | Nguyễn Châu Diễm | Thúy   | 33545      | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.25                            | TT      |
| 170 | HT.030   | Nguyễn Thị Mỹ    | Tiên   | 19/12/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 24                               | TT      |
| 171 | HT.031   | Lâm Nguyễn Trung | Tín    | 21/03/1986 | Nam       | Sông Bé         |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 18.75                            | TT      |
| 172 | HT.032   | Nguyễn Hữu       | Toàn   | 04/10/1986 | Nam       | Thái Bình       |    | 1   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22                               | TT      |
| 173 | HT.033   | Nguyễn Thanh     | Trí    | 25/10/1994 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 16                               | TT      |
| 174 | HT.034   | Trần Mai         | Trinh  | 21/08/1986 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh |    | 3   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 20                               | TT      |
| 175 | HT.035   | Trần Hồng        | Tú     | 19/01/1991 | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22                               | TT      |
| 176 | HT.036   | Nguyễn Anh       | Tuấn   | 15/09/1988 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19.5                             | TT      |
| 177 | HT.037   | Lê Anh           | Tùng   | 04/04/1994 | Nam       | Phú Yên         |    | 1   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 22.5                             | TT      |
| 178 | HT.038   | Nguyễn Vũ Bích   | Vân    | 24/06/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 25.25                            | TT      |
| 179 | HT.039   | Lê Trọng         | Vũ     | 09/04/1992 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 14.75                            | TT      |
| 180 | HT.040   | Ngô Hồng         | Ý      | 27/07/1991 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Hệ thống Thông tin | CĐ liên thông lên ĐH | CQ                | 19                               | TT      |
| 181 | LU.A.001 | Trương Hoài      | Ân     | 04/02/1993 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 23.25                            | TT      |
| 182 | LU.A.002 | Đỗ Ngọc          | Hà     | 07/05/1989 | Nam       | Sông Bé         |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 9                                |         |
| 183 | LU.A.003 | Hồ Trần Hữu      | Khang  | 22/02/1983 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 19.25                            | TT      |
| 184 | LU.A.004 | Đinh Phương      | Nam    | 10/08/1991 | Nam       | Kiên Giang      |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 7                                |         |
| 185 | LU.A.005 | Phan Văn         | Si     | 18/11/1993 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 11                               |         |
| 186 | LU.A.006 | Nguyễn Thị Kim   | Như    | 10/07/1987 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật               | Đại học              | CQ                | 22.25                            | TT      |
| 187 | LU.A.007 | Đoàn Hữu         | Phú    | 06/12/1985 | Nam       | Bình Phước      |    | 1   | Luật               | Đại học              | CQ                | 16                               | TT      |
| 188 | LU.A.008 | Trần Hữu         | Phước  | 19/03/1994 | Nam       | Long An         |    | 2NT | Luật               | Đại học              | CQ                | 8.5                              |         |
| 189 | LU.A.009 | Võ Hoàng Nhật    | Tài    | 14/10/1996 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Luật               | Đại học              | CQ                | V                                |         |



| Stt | SBD      | Họ tên          |       | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh   | ĐT | KV  | Ngành | Hệ đào tạo | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|----------|-----------------|-------|------------|-----------|------------|----|-----|-------|------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 190 | LU.A.010 | Phạm Hồng       | Thanh | 05/10/1990 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | CQ                | V                                      |         |
| 191 | LU.A.011 | Phạm Thị Ngọc   | Thúy  | 01/02/1998 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | CQ                | 12.75                                  | TT      |
| 192 | LU.A.012 | Hoàng Ngọc      | Trung | 25/10/1992 | Nam       | Quảng Trị  |    | 2   | Luật  | Đại học    | CQ                | 13.75                                  | TT      |
| 193 | LU.A.013 | Hồ Sơn          | Tùng  | 25/12/1997 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | CQ                | 16.75                                  | TT      |
| 194 | LU.A.014 | Lê Thị Hồng     | Vân   | 22/12/1993 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | CQ                | 14.5                                   | TT      |
| 195 | LU.A.015 | Tô Bảo          | Vy    | 10/12/1993 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | CQ                | 7.75                                   |         |
| 196 | LU.C.001 | Trần Tuấn       | Anh   | 20/11/1988 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19.25                                  | TT      |
| 197 | LU.C.002 | Lê Võ Phương    | Bình  | 23/08/1992 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 17.25                                  | TT      |
| 198 | LU.C.003 | Nguyễn Thị Minh | Châu  | 17/10/1990 | Nữ        | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 25.25                                  | TT      |
| 199 | LU.C.004 | Nguyễn Cường    | Chinh | 03/01/1991 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 18.25                                  | TT      |
| 200 | LU.C.005 | Nguyễn Thị Thu  | Cúc   | 04/05/1986 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 14.75                                  |         |
| 201 | LU.C.006 | Lê Huy          | Cường | 21/10/1990 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 12.75                                  | TT      |
| 202 | LU.C.007 | Hồ Minh         | Cường | 30/04/1992 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 15.75                                  |         |
| 203 | LU.C.008 | Nguyễn Hữu      | Danh  | 13/02/1985 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 14.5                                   | TT      |
| 204 | LU.C.009 | Phạm Thị        | Diễm  | 11/09/1989 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 18.25                                  | TT      |
| 205 | LU.C.010 | Huỳnh Ngọc      | Diệp  | 01/02/1985 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 22.75                                  | TT      |
| 206 | LU.C.011 | Nguyễn Quốc     | Dũng  | 19/04/1991 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23.5                                   | TT      |
| 207 | LU.C.012 | Vũ Nguyễn Thùy  | Dương | 17/04/1994 | Nữ        | Hải Dương  |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 18.75                                  | TT      |
| 208 | LU.C.013 | Phạm            | Duy   | 25/06/1981 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 16.5                                   | TT      |
| 209 | LU.C.014 | Đoàn Thị        | Gấm   | 25/06/1994 | Nữ        | Sông Bé    |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 17.75                                  | TT      |
| 210 | LU.C.015 | Lê Văn          | Giáp  | 15/04/1983 | Nam       | Thanh Hóa  |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23.75                                  | TT      |
| 211 | LU.C.016 | Văn Tuyết       | Hạnh  | 14/04/1989 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23                                     | TT      |
| 212 | LU.C.017 | Dương Công      | Hào   | 22/07/1995 | Nam       | Đồng Nai   |    | 1   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.25                                  | TT      |
| 213 | LU.C.018 | Lữ Minh         | Hậu   | 13/05/1996 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19.75                                  | TT      |
| 214 | LU.C.019 | Nguyễn Văn      | Hậu   | 12/04/1983 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 22                                     | TT      |
| 215 | LU.C.020 | Võ Khánh        | Hòa   | 20/10/1991 | Nam       | Quảng Bình |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 7.75                                   |         |
| 216 | LU.C.021 | Nguyễn Hữu      | Hoàng | 02/10/1986 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19                                     | TT      |
| 217 | LU.C.022 | Trần Huỳnh Huy  | Hoàng | 03/01/1994 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 18.75                                  | TT      |
| 218 | LU.C.023 | Lưu Thị Kim     | Hồng  | 02/03/1979 | Nữ        | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 14.75                                  | TT      |
| 219 | LU.C.024 | Nguyễn Văn      | Hùng  | 21/04/1987 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23                                     | TT      |
| 220 | LU.C.025 | Nguyễn Phi      | Hùng  | 24/02/1982 | Nam       | Bình Dương |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23                                     | TT      |
| 221 | LU.C.026 | Phan Thị Như    | Khánh | 01/11/1989 | Nữ        | Hà Tĩnh    |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 24.5                                   | TT      |
| 222 | LU.C.027 | Ngô Đăng        | Khoa  | 02/03/1980 | Nam       | Bình Dương |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23.25                                  | TT      |



| Stt | SBD      | Họ tên             |        | Ngày sinh  | Giới tính | Nơi sinh        | ĐT | KV  | Ngành | Hệ đào tạo | Hình thức đào tạo | Tổng<br>(đã làm tròn,<br>chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|----------|--------------------|--------|------------|-----------|-----------------|----|-----|-------|------------|-------------------|----------------------------------------|---------|
| 223 | LU.C.028 | Nguyễn Trúc        | Khoa   | 11/10/1981 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21                                     | TT      |
| 224 | LU.C.029 | Phan Duy           | Khôi   | 17/11/1991 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 225 | LU.C.030 | Nguyễn Ngọc Thiên  | Kim    | 26/02/1988 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19                                     | TT      |
| 226 | LU.C.031 | Nguyễn Thị         | Liễu   | 06/06/1977 | Nữ        | Đồng Nai        |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 16.25                                  | TT      |
| 227 | LU.C.032 | Nguyễn Thị Kim     | Loan   | 19/04/1980 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.25                                  | TT      |
| 228 | LU.C.033 | Nguyễn Văn         | Lực    | 30/04/1986 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 17.25                                  | TT      |
| 229 | LU.C.034 | Lê Thị Trúc        | Mai    | 17/06/1995 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 15                                     | TT      |
| 230 | LU.C.035 | Ngô Hoàng          | Minh   | 10/10/1989 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21                                     | TT      |
| 231 | LU.C.036 | Trần Thụy Yến      | My     | 15/10/1995 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.75                                  | TT      |
| 232 | LU.C.037 | Hoàng Anh          | Nam    | 09/07/1985 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23                                     | TT      |
| 233 | LU.C.038 | Trần Khắc          | Nguyên | 20/01/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.75                                  | TT      |
| 234 | LU.C.039 | Huỳnh Thanh        | Nhã    | 19/03/1989 | Nam       | Đồng Tháp       |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.5                                   | TT      |
| 235 | LU.C.040 | Phan Trọng         | Nhân   | 25/12/1990 | Nam       | Kiên Giang      | 03 | 1   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 236 | LU.C.041 | Đặng Thành         | Nhân   | 10/10/1990 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20                                     | TT      |
| 237 | LU.C.042 | Nguyễn Thị Kim     | Nhớ    | 11/10/1989 | Nữ        | Tiền Giang      |    | 1   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 25                                     | TT      |
| 238 | LU.C.043 | Võ Thị             | Oanh   | 16/04/1984 | Nữ        | Nghệ An         |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 239 | LU.C.044 | Đặng Thúy          | Phi    | 13/01/1986 | Nữ        | Bình Phước      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.5                                   | TT      |
| 240 | LU.C.045 | Võ Hoàng           | Quân   | 17/05/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 241 | LU.C.046 | Nguyễn Anh         | Quý    | 23/01/1996 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.25                                  | TT      |
| 242 | LU.C.047 | Trần Văn           | Sang   | 08/06/1984 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 24.75                                  | TT      |
| 243 | LU.C.048 | Phạm Minh          | Tấn    | 12/05/1996 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 24.75                                  | TT      |
| 244 | LU.C.049 | Lê Việt            | Thắng  | 06/08/1988 | Nam       | Đồng Tháp       |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19.25                                  | TT      |
| 245 | LU.C.050 | Võ Tuấn            | Thanh  | 15/02/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.75                                  | TT      |
| 246 | LU.C.051 | Nguyễn Thị Ngọc    | Thảo   | 04/09/1992 | Nữ        | Tp. Hồ Chí Minh |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21                                     | TT      |
| 247 | LU.C.052 | Bùi Văn            | Thi    | 25/06/1981 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.25                                  | TT      |
| 248 | LU.C.053 | Lương Nguyễn Hoàng | Thiện  | 22/04/1989 | Nam       | Bình Dương      |    | 3   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 249 | LU.C.054 | Nguyễn Văn         | Thọ    | 21/12/1985 | Nam       | Nghệ An         |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 14.5                                   | TT      |
| 250 | LU.C.055 | Nhữ Trường         | Thọ    | 07/02/1989 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23.5                                   | TT      |
| 251 | LU.C.056 | Nguyễn Văn         | Thuận  | 15/08/1992 | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 25.75                                  | TT      |
| 252 | LU.C.057 | Trần Trung         | Tín    | 23/05/1987 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 24                                     | TT      |
| 253 | LU.C.058 | Trịnh Xuân         | Trí    | 02/02/1982 | Nam       | Nghệ An         |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                      |         |
| 254 | LU.C.059 | Nguyễn Thị Thanh   | Trúc   | 07/12/1988 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.75                                  | TT      |
| 255 | LU.C.060 | Nguyễn Trọng       | Nghĩa  | 15/01/1994 | Nam       | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 20.75                                  | TT      |



| Stt | SBD       | Họ tên                 | Ngày sinh   | Giới tính | Nơi sinh        | ĐT | KV  | Ngành | Hệ đào tạo | Hình thức đào tạo | Tổng (đã làm tròn, chưa điểm UT) | Ghi chú |
|-----|-----------|------------------------|-------------|-----------|-----------------|----|-----|-------|------------|-------------------|----------------------------------|---------|
| 256 | LU.C.061  | Vũ Hoài Long           | 19/10/1995  | Nam       | Bình Dương      | 03 | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 22                               | TT      |
| 257 | LU.C.062  | Trần Trọng Khang       | 05/05/1993  | Nam       | Tp. Hồ Chí Minh |    | 3   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.25                            | TT      |
| 258 | LU.C.063  | Từ Thị Ngọc Duyên      | 27/09/1984  | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 23.5                             | TT      |
| 259 | LU.C.064  | Lê Văn Thành           | 20/04/1992  | Nam       | Hà Tĩnh         |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 24.75                            | TT      |
| 260 | LU.C.065  | Lê Văn Thành           | 20/04/1992  | Nam       | Hà Tĩnh         |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                |         |
| 261 | LU.C.066  | Nguyễn Phi Phóng       | 17/12/1992  | Nam       | Thái Bình       |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | 22.5                             | TT      |
| 262 | LU.D1.001 | Lê Văn Đời             | 18/12/1987  | Nam       | Bình Dương      |    | 2NT | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                |         |
| 263 | LU.D1.002 | Nguyễn Phú Khánh       | 29/10/1989  | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 9.5                              |         |
| 264 | LU.D1.003 | Nguyễn Thị Kiều My     | 20/8/1991   | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 21.75                            | TT      |
| 265 | LU.D1.004 | Trương Thị Tố Nhi      | 06/09/1993  | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 19.75                            | TT      |
| 266 | LU.D1.005 | Lê Hoàng Yến Như       | 023/01/1995 | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 22                               | TT      |
| 267 | LU.D1.006 | Nguyễn Văn Thức        | 01/10/1993  | Nam       | Hậu Giang       |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 16                               | TT      |
| 268 | LU.D1.007 | Mai Nguyễn Phương Thúy | 17/11/1994  | Nữ        | Sông Bé         |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                |         |
| 269 | LU.D1.008 | Phan Thị Ngọc Thùy     | 03/09/1994  | Nữ        | Bình Dương      |    | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | V                                |         |
| 270 | LU.D1.009 | Hồ Thanh Tuấn          | 14/10/1987  | Nam       | Bình Phước      | 06 | 2   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 11                               |         |
| 271 | LU.D1.010 | Nguyễn Thành Vậ        | 01/12/1973  | Nam       | Đà Nẵng         |    | 3   | Luật  | Đại học    | VLVH              | 17                               | TT      |

Danh sách này có 271 thí sinh

Bình Dương, ngày 23 tháng 12 năm 2016  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**



**PGS-TS. Nguyễn Văn Hiệp**

HN18